

TRUYỆN KÝ VỀ KINH PHÁP HOA*Tăng Tường soạn tập***QUYỂN 6****VIII. PHÚNG TỤNG THẮNG ÍCH (Phần 4)**

1. Đạo nhân ở Việt Châu
2. Huân Hùng ở Hà Đông
3. Thích Thông Tuệ
3. Sa-di chùa Khai Thiện
5. Thích Phước Duyên
6. Bành Tử Kiêu
7. Thích Tuệ Thắng
8. Ni Sư Pháp Không
9. Thích Diệu Liên
10. Thích Tuệ Sinh
11. Thích Đàm Nghĩa
12. Thích Thanh Tuệ
13. Vương Cốc
14. Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp
15. Ngô Lâm Thông
16. Lý Sơn Long
17. Đạt-ma-bạt-đà
18. Thích Tăng Trí
19. Thích Tuệ Đạt
20. Bà góa phụ họ Dương
21. Thích Pháp Đạo
22. Hai vị Tăng ở Bắc Đạo.
23. Hai vị Tăng chùa Thắng Nghiệp
24. Trúc Trường Thư.

1. Đạo nhân ở đạo tràng Quán Âm thuộc Việt Châu:

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương,

Sa-môn Thích Pháp Chánh người xứ Bá Tể quảy hành lý theo hướng Tây đi tìm thầy học Đạo, Sư cũng là người rất thông hiểu nghĩa thú, tu hành tinh tấn. Ở tại đất Lương hơn ba mươi năm, mà chẳng thể quên dứt quê cũ, nên về lại Bá Tể, Sư tự giảng nói những gì thấy nghe được ở Nam Lương.

Ở quả núi nơi biên giới Việt Châu, có một Đạo tràng tên là Quán Âm, có tướng nhà Quán Âm nên Sư đến xem, cây gỗ rui lách đều hư hết mà vách tường hiện tại vẫn còn, ở đó có hai Đạo nhân cùng nhau kết giao vào núi, một vị thích trì tụng kinh Hoa Nghiêm, một vị thích trì tụng kinh Pháp Hoa, mỗi người ở một hang động, răn nhau làm đồ thất, vị tụng kinh Hoa Nghiêm với kỳ hạn một tháng thì hoàn tất, trong tâm nghi ngờ bạn mình không biết tụng đã được bao nhiêu nên đến dò xét, thì thấy chưa tụng được một quyển nào, bèn nói rằng: “Kỳ hạn đã sắp hết, lương thực gần muốn cạn, nên đến kỳ hạn mà hoàn tất. Nếu không thể niệm tụng trọn cả một bộ kinh Pháp Hoa thì hãy tụng kinh Quán Thế Âm thôi”. Nói xong, ông trở về thất của mình. Từ đó, vị thích tụng kinh Pháp Hoa trong tâm tự đau buồn, do xưa có nhân căn trí ám độn, bèn dốc lòng đọc tụng, suốt ngày đêm chẳng biếng trễ, tụng thâm được hơn một nửa. Vài ngày sau đó, vị thích tụng kinh Hoa Nghiêm lại đến và tình thật mà nói rằng: “Tôi đã tụng xong hết kinh Hoa Nghiêm, vì sao chỉ mới bắt đầu của kinh Quán Thế Âm như thế, hưởng chi đã qua hai, ba ngày mà chẳng am tường ư? Nếu tôi bỏ ông mà đi thì trái với giao ước, còn đợi chờ ông hoàn tất thì lương thực sắp hết, đã qua ba ngày chẳng trọn, đúng lý là không được cùng đợi, nhưng thôi hẹn ông ngày mai cùng trở lại. Ông nên cố gắng!”. Vị tụng kinh Pháp Hoa lại khổ đau gấp bội lúc trước, bèn dốc lòng tụng niệm mới được hoàn tất. Sáng sớm hôm sau, vị tụng kinh Hoa Nghiêm lại đến và bảo rằng: “Mới đầu của kinh Quán Thế Âm như thế còn chẳng trì tụng được, thì không biết làm sao nữa! Nay tôi xin từ giả ông mà đi”. Vị tụng kinh Pháp Hoa liền quỳ mà thưa rằng: “Hồi hôm vừa tụng được hoàn tất!”. Khi đó vị tụng kinh Hoa Nghiêm rất vui mừng muốn cùng thử xem, bèn ngồi trên giường đọc tụng suốt ba mươi quyển kinh không một sai sót. Kế đến vị tụng kinh Pháp Hoa lên giường đọc tụng, vừa mới mở lời, liền ở giữa hư không các thứ hoa hương rải như mưa xuống, hoa rải khắp đồ thất, hương thơm tỏa ngát cùng hang động, hơi khí hòa quyện đầy trời, chẳng thể kể hết. Khi đó, vị tụng kinh Hoa Nghiêm mới xuống đất cúi đầu, đầu mặt đều đổ máu, sấm hối tội lỗi. Sự việc hoàn tất, vị tụng kinh Hoa Nghiêm bèn muốn giả biệt. Vị tụng kinh Pháp Hoa cản ngăn và bảo

rằng: “Thường có một ông lão biếu tặng lương thực cho tôi, ông hãy đợi một thời gian ngắn”. Giây lâu chẳng thấy đến, nên vị tụng kinh Hoa Nghiêm bèn từ biệt mà đi. Vị tụng kinh Pháp Hoa muốn mức nước nên đến chỗ giếng, thấy ông lão ấy đang ngồi nghỉ dưới cỏ, bèn lấy làm lạ, hỏi rằng: “Người bạn của tôi vừa mới đến, muốn được cùng cấp thức ăn, vì sao ông trốn không cung cấp thức ăn?”. Ông lão đáp: “Người ấy khinh thường tôi như thế, tôi đâu muốn nhìn thấy?”. Từ đó mới biết ông lão chính là Bồ-tát Quán Thế Âm nên vị tụng kinh Pháp Hoa liền gieo năm vốc sát đất đánh lễ rất mực chí thành, chốc lát ngửa lên nhìn thì không còn thấy nữa. Chỗ tường vách của vị tụng kinh Pháp Hoa ở đến nay vẫn còn đó! Sa-môn Phát Chánh gần gũi trông thấy như thế.

2. Huân Hùng ở Hà Đông:

Huân Hùng ở Hà Đông, từ thuở thiếu thời rất mực kính tin Phật đạo, chỉ ăn rau quả suốt vài mươi năm. Đến khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Huân Hùng làm Đại lý thừa. Mùa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn (645) thời Tiền Đường, bị liên lụy với Thứ sử Lý Tiên Đồng SỰ, buộc giam ở sử đài. Bấy giờ, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) cho là bề đảng nên trong lòng vô cùng tức giận sai Trị thư thị Ngự sử Vi Tông, v.v... tra xét, phòng cấm nghiêm mật. Bị giam cấm có đến mười người, Đại Lý Thừa, Lý Kính Huyền, Tư Trực, Vương Hân đều bị liên lụy, cùng với Huân Hùng đồng giam trong nhà tù, và đều bị xiềng xích chắc chắn. Huân Hùng chuyên tâm niệm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, qua vài ngày được ba ngàn biến. Đang trong đêm ngồi tụng kinh, khóa xích bỗng nhiên tự mở rơi xuống đất. Huân Hùng kinh hãi báo với Vương Hân và Lý Kính Huyền. Hân và Huyền cùng nhìn thấy xích khóa vẫn sát đất, móc khóa vẫn nghiễm nhiên không hư hoại mà móc và khóa cùng lia nhau đến mấy thước. Lý Kính Huyền, v.v... lấy làm lạ. Huân Hùng sợ tội trách nên báo với người canh giữ xin xiềng xích mở khóa. Đêm đó Giám sát ngự sử Trương Thủ trực suốt đêm, lại mở xích khóa, Ngự sử lấy đuốc lửa soi thì thấy xích khóa không mở mà tự nhiên lia nhau, rất lấy làm lạ, nhân đó mở khóa để khóa lại, dùng giấy dán buộc khóa ấy, viết lên giấy đó rồi đi. Sau đó, Huân Hùng lại ngồi tụng kinh, đến canh năm, xích khóa lại mở rơi mà phát ra tiếng như có người mở. Huân Hùng lo sợ lại báo với Hân và Huyền. Hân và Huyền v.v... bảo rằng: “Muốn hiểu thì không nên gọi Ngự sử”. Khi trời sáng, mọi người cùng đến xem, móc khóa mỗi tự rơi lia xuống đất mà xích khóa vẫn còn hợp, chỗ dán bít đặt toàn như

cũ không đổi thay, móc lại rất nguyên vẹn kín đáo không thể mở. Lý Kính Huyền từ thuở nhỏ đến lúc trưởng thành chẳng hề tin Phật pháp, những lúc thấy vợ tụng kinh, thường bảo rằng: “Vì sao lại nịnh nọt thần người Hồ mà đọc sách ấy ư? Đến lúc thấy việc này của Huân Hùng, mới rất khen ngợi, tỉnh ngộ, bảo rằng: “Nay tôi mới biết Phật là bậc Đại thánh không người nào sánh bằng. Thật không thể nghĩ bàn!”. Bấy giờ, Vương Hân cũng tụng niệm danh hiệu tám vị Bồ-tát đủ số ba mươi ngàn biến, giữa ban ngày, xích khóa tự mở rơi, trông thấy xích khóa vẫn nằm dưới đất, Huân Hùng chẳng lấy làm lạ. Lý Kính Huyền từ đó mới tin phục, hổ thẹn sám hối. Thế rồi, ba người đều được linh ứng. Lý Kính Huyền bèn viết kinh Pháp Hoa, họa tôn tượng tám vị Bồ-tát, quy y cúng dường. Đến lúc bệnh tình quá nặng ở tại nhà, Lý Kính Huyền chưa hồi về tật bệnh, mà chỉ nói lại đầy đủ việc ấy. Lúc lâm bệnh càng nhiếp tâm. Hối Đài nội quan lại thì cũng như điều Lý Kính Huyền nói không khác, Huân Hùng tự kể lại việc đó, mà càng tinh thành dốc chí. Đến nay Huân Hùng hiện làm Chu chất lệnh (Cảm Thông Lục, quyển hạ).

3. Thích Thông Tuệ ở Lưu Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thông Tuệ, họ Ngu, thuở thiếu thời rất siêng năng, tiết tháo tinh thuần, xuất gia làm Sa-di, chỉ ăn rau quả khổ tiết, chuyên học luật nghi, lại thông luật tạng. Năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ tục.

Bấy giờ có vị thầy đoán tướng nói với Sư rằng: “Sư là người rất thông minh trí tuệ, không có tướng tà vạy. Chỉ có thọ mạng hơi ngắn không thể tiếp nối khuôn phép!”. Sư nghe lời ấy bèn hỏi các vị Đại đức rằng phải tu công đức gì để kéo dài tuổi thọ. Khi ấy, các vị Đại đức đạt thức bàn luận với nhau rằng: “Giáo pháp Đức Phật giảng nói trong một đời thì kinh Pháp Hoa là tối đại. Nếu thọ trì thì không già không chết. Nếp y pháp mà thọ trì đọc tụng thì sẽ được sống lâu”. Lúc đó, Sư cũng được dự nghe bàn, bèn tạm xả bỏ sách vở giới luật, theo thầy thọ học kinh, liền vào trong núi sâu thọ trì kinh Pháp Hoa, siêng năng phúng tụng. Sau ba năm, Sư xuống núi tìm đến nơi vị thầy đoán tướng trước kia. Vị ấy hỏi: “Sư tu công đức gì mà được tuổi thọ đến năm mươi, mau chóng như thế? Sư đáp: “Trước kia bị tướng mạng sống ngắn ngủi, nên vào núi sâu tụng đọc kinh Pháp Hoa sáu ngàn biến nên được lợi ích cao quý như thế, ngoài ra không hề có công đức gì khác!”. Thầy đoán tướng ấy khen ngợi: “Công đức của kinh giáo Đại thừa có khả năng kéo dài mạng sống bị ngắn ngủi, nhờ công đức này giúp cho Đại đức tuổi thọ hơn chín mươi!”. Về sau quả thật Sư sống thọ như lời dự ghi của thầy tướng.

4. Vị Sa-di ở chùa Khai Thiện, đời Tùy:

Dưới đời Tùy, Tạng Công ở chùa Khai Thiện có nuôi vị đệ tử Sa-di, tuổi mới mười lăm mà nhận biết được oai nghi, chẳng trái tình ý mọi người, nên mọi người thấy đều vừa ý. Bấy giờ có Hà Dận đến nói với Tạng Công rằng: “Vị Sa-di này không có tuổi thọ lâu dài!”. Tạng Công nghe thế buồn thương, vị Sa-di ấy bèn trở về nhà sống với cha mẹ. Năm năm sau, vị Sa-di ấy đến chỗ Tạng Công, Tạng Công khởi ý niệm lạ, nên hỏi Hà Dận rằng: “Sa-di ấy sao đổi tướng như vậy?”. Hà Dận đáp: “Tướng đã đổi, được sống đến tuổi tám mươi!” Tạng Công vô cùng khen ngợi kinh lạ, hỏi Sa-di ấy rằng: “Ông có được công đức cao quý gì thế?”. Vị Sa-di ấy đáp: “Trọn không tu công đức gì, chỉ nhờ xưa ở trước Tăng phường nghe được một bài kệ là:

*“Chư Phật, Đấng phước tuệ
Biết pháp thường vô tánh
Giống Phật theo duyên khởi
Nên nói pháp Nhất thừa”.*

Nên miệng thường vừa đi vừa tụng không biết được mấy ngàn vạn biến. Đến lúc mộng thấy một vị quan mặc y phục màu đỏ, đem đến một quyển sách và tự xưng là Quan Điệp, liền mở ra đọc, thấy trong đó viết rằng: “Thọ mạng của ông chỉ được mười tám tuổi, nay tụng theo một bài kệ, biến thành tám mươi tuổi, đó là lý do kéo dài tuổi thọ của ông”. Khi đó, Tạng Công khen rằng: “Kệ tụng ấy là văn trong phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa, Ông y cứ tụng đọc diệu kệ ấy thì được kéo dài tuổi thọ. Xưa kia, tôi vào trong núi suốt năm năm thọ trì kinh Kim Cương, Bát-nhã nên được sống lâu, nay ông vừa đi miệng vừa tụng, thì còn hơn sự tinh khổ của tôi. Đó thật là năng lực của kinh điển Đại thừa không thể nghĩ bàn. Ông chớ sinh lười biếng mệt nhọc”. Mọi người nghe vậy, không ai chẳng vững chắc niềm tin.

5. Thích Phước Duyên chùa Tây Nhĩ ở nước Sa-ha-la:

Ở nước ngoài có ngôi chùa tên là Bồ-đề, từ phía Nam cách hơn mười dặm, ở giữa hư không hiện ra một cung điện bạc, trong đó có các trời nam nữ đùa vui với nhau. Lại hiện lên một cung điện vàng, trong đó có một vị Thánh tăng. Việc đó thật ít có kỳ lạ. Vua quan ở các nước đều nhóm họp lễ bái cúng dường. Khi đó, vị Thánh tăng ấy nói rằng: “Thiên hạ không an ổn, lúa thóc không tốt tươi, tật bệnh đua nhau lan tràn, vì chẳng tin Tam bảo. Cảnh giới Tam bảo không thể nghĩ bàn, trái qua kiếp số như cát sông Hằng chẳng thể khen ngợi hết. Năng lực của kinh

Phật cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì ta vốn trụ chùa Tây-Nhĩ ở nước Sa-ha-la, tên ta là Phước Duyên trú trì trong một thất nhỏ, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, chứng đắc Vô sinh nhẫn. Chỗ ta tụng kinh đưa vào trong hộp trắng đặt trong chùa. Di cốt của ta chôn nơi phần mộ xưa trong ngọn núi nhỏ cách chùa hơn mười dặm về phía Tây. Sau khi xả bỏ tuổi thọ mới ba mươi năm, nương theo nguyện lực, nên chiếc lưỡi biến thành sáp như ngày nay thường luôn phát ra ánh sáng. Do đó mà biết lời nói của ta hư thật thế nào, nên lại chỉ bày duyên xưa. Các người trời ở trong cung điện bạc là những người cung cấp giúp đỡ tụng kinh!”. Nói xong liền ẩn mất. Các vua quan buồn vui lẫn lộn, tìm lại bốn duyên đó đều như chỗ bậc Thánh nói, không chút sai lầm. (Duyên này xuất xứ từ Tây Vực truyện, chẳng phải đích thân được nghe, này chỉ y theo lời ghi xưa mà rút ra đó thôi).

6. Bành Tử Kiêu ở Ích Dương, thời tiền Tống:

Bành Tử Kiêu, người ở huyện Ích dương, đảm nhận Bồn quận chủ bộ, đụng chạm với Thái Thú Thẩm Văn Long, nên bị bắt giam vào ngục, Thẩm Văn Long muốn giết ông. Bành Tử Kiêu thuở thiếu thời có xuất gia, về sau tuy hoàn tục mà vẫn thường tụng tập kinh Quán Thế Âm. Bấy giờ, Thẩm Văn Long muốn giết Bành Tử Kiêu, tìm xét không đáp lại mong ước. Bành Tử Kiêu chỉ dốc lòng tụng kinh được trăm biến thì đã rất mệt nhọc, ngủ gật giữa ban ngày. Đồng bị trói buộc một nơi có đến mười người cũng đều nằm ngủ. Có Tương Tây huyện lại cũng bị trói giam trong ngục, khi đó như vừa ngủ vừa chẳng phải ngủ, không chịu nổi sự nóng bức, nhân trong cơn hoảng hốt thấy có hai con chim hạc trắng tụ đến chỗ Bành Tử Kiêu và lặng gió phía trên, chóc lát có một con bay xuống đến bên cạnh Tử Kiêu. Khi đó lại cảm thấy như người xinh đẹp, hình dung tuyệt hảo, Đạo Vinh trong tâm lấy làm lạ, bèn đến xem, thấy Tử Kiêu thức giấc. Đạo Vinh hỏi: “Vừa rồi có mộng mị gì chẳng?”. Tử Kiêu đáp: “Không mộng”. Đạo Vinh kể lại những điều đã trông thấy, bèn vui mừng không thể nói. Đạo Vinh tụ trở lại chỗ gông cùm cũ, chẳng cho mọi người biết. Sau đó khoảng bốn năm ngày, bèn thấy chẳng phải nên thả. Có Đại nghĩa ở Nghĩa An và Vương Diễm ở Thái Nguyên cùng quả có xưa, trước soạn “Minh Tường ký” nói về Liên là người anh trong dòng họ vốn thân thức với Tử Kiêu và Đạo Vinh. Nghe hai người nói đều đồng như đây. (Pháp Uyển quyển 27).

7. Thích Tuệ Thắng chùa Bạch Cầu ở Thanh Châu:

Thích Tuệ Thắng chùa Bạch Cầu ở Thanh Châu, vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi bốn (437) thời Tiền Tống, bỗng bị bệnh điếc mù, chóng mặt cả tai mắt, Sư tự suy nghĩ: “ở đây chẳng hết bệnh, lại không dùng thuốc thang, chỉ nên quy hướng Bồ-tát Quán Thế Âm, trì tụng kinh ấy một nghìn biến”. Khi tụng đã đủ số thì mắt tai bất chợt tự nhiên trở lại bình phục.

8. Ni Sư Pháp Không ở Tuyên Châu:

Ni Sư Pháp Không họ Hàn, người ở xứ Tuyên Châu, từ thuở nhỏ đã giã từ thân thích, đến xin xuất gia trụ chùa Kiến An, cách núi Ngũ Đài về phía Tây nam hơn trăm dặm. Sau đó, đến chùa Kỳ Hoàn thọ giới, thường trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chính. Nghe nói: “Có Sa-môn Đạo Siêu không có hạnh nghiệp gì riêng, chỉ ở lâu tại chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài hơn hai mươi năm chẳng ra khỏi cửa núi. Sau đó qua đời sinh lên nội viện cõi trời Đâu-suất. Khi ấy, người trời bảo Đạo Siêu rằng: “Ông ở dưới nhân gian không có hạnh nghiệp gì riêng, chỉ tụng kinh Pháp Hoa, nương năng lực cảnh giới của Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên được sinh lên cõi trời này, ông hãy trở lại nhân gian tiếp hóa bốn bộ giúp họ nghe biết”. Ngài Đạo Siêu y theo lời ấy, chẳng xả bỏ báo mạng cõi trời, xuống báo với mọi người ở nhân gian”. Sư Pháp Không nghe như thế, bèn tư duy sinh khởi tâm niệm ít có khó gặp nên phát nguyện, sau đó đến trụ viện Tam Tuyên ở phía Tây bắc chùa Hoa Nghiêm, trước vừa đến trong rừng gặp được một ông lão nói với Pháp Không rằng: “Người nương náu ở đây tu hành Diệu pháp, chắc chắn sẽ chứng đắc quả vị cao siêu. Nói xong, thì không thấy nữa, Pháp Không biết đó là Đại thánh mách bảo, buồn khóc rơi lệ, bèn nương viện ấy riêng lập riêng am tranh, ở đó giữa mài ba nghiệp, sớm tối chẳng biếng lười, chỉ giữ lấy y phục đắp mặc trên thân, còn tất cả mọi thứ bảo đệ tử vào cúng thí đại chúng. Pháp Không bảo rằng: “Ta đến nương ở đây, được Đại Thánh dạy bảo chỉ cho bốn chữ “Diệu Pháp Liên Hoa”, khai mở tri kiến Phật, thanh tịnh không nhiễm, đại chúng mỗi người hãy tự cố gắng, không được để luống qua!”. Nói xong bèn thị tịch, vẫn ngồi thẳng như lúc còn sống. Chúng trà-tỳ thân nhật xá-lợi có hơn ngàn viên, bốn chúng chia nhau cúng dường.

9. Thích Diệu Liên chùa Tống Nhân ở Đại Châu:

Thích Diệu Liên, thường có tâm từ bi cứu giúp mọi vật, trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chánh. Sư nói với các bạn rằng: “Tôi

dùng sức lực tụng kinh, sinh vào nội viện Đâu-suất muốn gặp đức Từ Thị, nguyện ước ấy có thành đạt chăng?”. Các bạn đều đáp: “Rất có thể được! Trong kinh nói “Nếu người thọ trì đọc tụng, đến lúc qua đời sẽ được sinh lên cõi trời Đâu-suất ở chỗ Bồ-tát Di-lặc”. Phật đâu có nói dối?”. Sư càng siêng năng cần hành trì tinh tấn, phúng tụng kinh Pháp Hoa chưa hề ngơi nghỉ. Đến lúc ngoài bảy mươi tuổi, cảm bệnh nhẹ chóng khỏi, Sư mời các bạn đến, cùng nói rằng: “Tôi bị bệnh nhẹ chẳng lấy làm đau khổ. Hiện có Đồng tử ở cõi trời đến đón rước, có Hóa Phật trao tay”. Nói xong bèn thị tịch, thân hình vẫn ngồi thẳng như lúc sống, ba ngày sau tỉnh lại, nói rằng: “Tôi nương năng lực trì tụng kinh Pháp Hoa, được đến nội viện của Bồ-tát Di-lặc ở cõi trời Đâu-suất, các vị trời khen ngợi rằng: “Ông ở cõi Diêm-phù tụng kinh Pháp Hoa, do công đức ấy tự đến cõi trời này phụng kính thấy Đức Từ Thị diệu tướng tôn, nghe pháp sớm khế hợp, không thối nhẫn, nghe kệ sinh tâm vui mừng!”. Bồ-tát Từ Thị bảo rằng: “Ông ở nhân gian, nhờ năng lực trì tụng kinh Pháp Hoa nên được sinh lên cõi này, các vị trời ở cõi này phần nhiều là những người sống trong Di pháp của Đức Thích-ca mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa nên được như vậy. Ông hãy sớm trở lại nhân gian dắt dẫn bốn chúng đệ tử, giúp họ được nghe biết, dần trì tụng kinh Pháp Hoa, tiêu trừ các tội lớn, lấy đó bù đắp vào các khuyết hạnh để sinh lên cõi trời!”. Khi đó, tôi bạch với Bồ-tát rằng: “Lấy gì làm chứng cho đề chúng đáng tin nhận?”. Bồ-tát liền xoa huân hương vào tay tôi. Vì nhân duyên ấy nên nay tôi sống lại”. Khi đó, từ bàn tay Sư mùi hương ấy tỏa khắp cả một châu, các môn nhân đều lấy làm tin. Sư nói lời ấy rồi, không bao lâu bèn thị tịch. Môn nhân xây tháp ở phía Đông bắc của chùa, tôn trí di thân Sư, nơi giảng pháp còn thoảng mùi huân hương như xoa xác vào tường vách, ba ngày về trước mùi hương chẳng tan hết. Đó là chỗ hiện thấy nghe.

10. Thích Tuệ Sinh ở chùa Chân Tịch, thời Tiên Đường:

Thích Tuệ Sinh, theo học Đạo với Sa-môn Tuệ Như, bởi từ trí tuệ sinh ra nên gọi là Tuệ Sinh. Sư theo Tuệ Công giảng nói về tướng của các địa ngục, và thấy vết chân lấm lỏi của mình nên rất kinh sợ về đời sau, Sư chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, bèn trọn một ngày một đêm không động, như vào thiền định. Đại chúng đều lấy làm lạ mà bảo rằng: “Sư Tuệ Như nhập Tam-muội suốt bảy ngày không dao động, bị vua Diêm-la thỉnh mời, ở đây chắc cũng như thế”. Đến sáng hôm sau, Sư mở mắt, buồn vui lẫn lộn, nước mắt đầm đìa. Chư tăng hỏi: “Vì sao

vừa buồn vừa vui như thế?”

Sư đáp: “Tôi bỗng thấy hai người mặc y phục màu đỏ, dung nghi đẹp đẽ, áo the quần lụa phục sức mới đẹp, nói là: “Chúng tôi do vua Diêm-la ở Phủ Quân Thái Sơn sai đến thỉnh sư”. Và liền bảo tôi lên cưỡi con ngựa trắng, chỉ chốc lát đã đến chỗ vua, từ tòa mà xuống tỏ vẻ cung kính đến bên chỗ ngồi, vua nói với tôi rằng: “xưa Sư có chỗ chắc chắn thọ nghiệp địa ngục. Nghiệp địa ngục đó tức là cha mẹ ông vì ông mà giết hại các vật heo, dê, ngỗng, vịt, v.v... tuy chẳng phải chính ông tự giết hại, nhưng bởi nghiệp ác nên phải chịu quả báo. Lại nữa, vào thời ông còn là Sa-di mạo phạm sử dụng tăng phần, oai nghi không điều độ. Tội ấy thật là vô lượng, nên đáng đọa vào địa ngục. Nay nhờ năng lực trì tụng kinh Pháp Hoa nên tội ấy tiêu hết, sinh trước chư Phật mười phương. Nhưng vì muốn giúp cho biết được chỗ nghiệp ấy, và muốn tất cả đều được nghe biết về quả báo nghiệp ác và cốt yếu diệt tội nên thỉnh Sư đến chốn địa ngục để được nhìn thấy chỗ chịu tội”. Vua bèn sai Sứ giả dẫn đường, tôi bèn theo kẻ Sứ mà đi thẳng đến phía Đông, có một tòa thành lớn, cách bốn, năm dặm, lần lượt có tất cả ba mươi hai thành lớn, đó là thành của địa ngục, đang lúc xem xét tướng chịu khổ của chúng sinh trong mỗi thành, liền đi thẳng đến trước, vào trong một thành lớn, thấy có xe sắt, ngựa sắt, trâu sắt, lừa sắt, lửa dữ phừng phực, sừng lông của trâu đều như mũi nhọn, lông trên mình ngựa tựa như móc nhọn giằm đập lên người tội. Trong đó có vô lượng vị Sa-môn chịu khổ, Sứ giả bảo rằng: “Các Sa-môn này không mến tiếc tương lai chỉ ham lấy danh lợi ở hiện tại, trái phạm tịnh giới Phật chế, chứa để các vật bất tịnh, cưỡi xe vọt ngựa, v.v... thọ nhận sự cúng dường của người có tín tâm nên phải bị quả báo như thế”. Lại lần lượt đến trong một thành, có các thứ cây sắt, thuổng sắt, như mũi nhọn bày trải khắp trên đất, lại có sắt quán vào mình người tội, lửa nóng cháy rực, trong đó có năm trăm vị Sa-môn chịu khổ. Sứ giả bảo rằng: “Các Sa-môn này xưa kia mặc y phục thế tục, chẳng mặc pháp y nên chịu tội khổ nặng nề như thế”. Kế lại đến một ngôi thành khác, ngục tốt rưới nước đồng vào miệng, khắp mình người tội đều cháy tiêu tan, có năm ngàn vị Sa-môn chịu tội khổ ấy. Sứ giả bảo rằng: Các Sa-môn ấy xưa kia không biết thọ hưởng giáo pháp Bốn đế của Tam bảo, chỉ cầu thọ vật của tín thí, nên chịu tội nặng như thế. Ở trong ba mươi hai thành lớn, nếu chỉ thọ sự cúng dường của tín thí, chẳng dùng cành dương tươi tấy, chẳng dùng nước thơ, ấm nóng để tắm gội, rảo bước đi trong nhân gian, tự tay xúc chạm kinh Phật, nếu phạm bốn tội trọng, không biết đầy đủ, ngủ chung với người thế tục qua

đêm, giẫm đạp lên tòa cửa thầy, nằm dưới bóng râm mát của tôn tượng Phật, hoặc dùng tiền hay ruộng đất gieo trồng vật lợi, tự tay làm ra thức ăn, chỉ tự mình thọ hưởng, không cho người khác. Hoặc tay bất tịnh có lấm thứ dơ bẩn, xúc chạm nam căn, nữ căn, móng tay dơ uế, tự tiện cầm quyển kinh. Hoặc chân không sạch đi lại trên đất Phật đất Tăng, cưỡi xe phi ngựa, rảo bước khắp cùng cửa chùa. Hoặc mang giày dép bước lên nhà xí mà không cởi bỏ rồi lại đạp lên đất Phật đất Tăng, vào cảnh linh tháp. Hoặc uống rượu ăn thịt mà tự nài là không có tội báo. Hoặc tay cầm nắm cung tên, hoặc thầy trò đều sân hận, tranh giành sống trong oan tưởng. Hoặc trích lấy quả trái của chúng Tăng để tự mình ăn, không cho người khác. Hoặc dẫn đồ chúng rảo bước trong nhân gian tự xưng là tịnh nhân, hoặc chẳng đắp mặc pháp y ca-sa mà vào xóm làng. Hoặc tâm sinh khởi oán tắng mà đi khát thực uống ăn, hoặc nói pháp bất tịnh, hoặc thân thể hành dục mà vào chùa đánh lễ tôn tượng chư Phật. Những người tội như thế đầy khắp trong đó. Xem các chỗ chịu tội xong, tôi về lại chỗ vua, vua nói: “Nếu ông không thể thọ trì kinh điển Đại thừa để diệt tội, thì sẽ chịu các thứ khổ ấy. Lại còn có vô lượng địa ngục, đó chỉ là phần nhỏ của một nơi thôi. Nghe nói vậy nên buồn vui lẫn lộn, giặc ngộ mà thôi!”.

Khi đó, chúng tăng nghe Sư nói lời ấy rồi, tâm ý khiếp sợ như giẫm đạp dao sắt, các thứ buồn vui đều tin theo đại điển, cho đến những người thấy nghe, siêng năng tu hành chẳng phớt bỏ. Từ đó về sau, người trì tụng đông như rừng, để làm phép tắc.

11. Thích Đàm Nghĩa ở Tinh Châu:

Thích Đàm Nghĩa, là người xứ Tinh Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, trụ chùa Thập Lực, giữ vững giới luật, vất bỏ tất cả mọi việc ở thế tục, khổ tiết tu hạnh đầu-đà, thường ở tại núi Ngũ đài, nguyện nương tựa Đại sư Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, sách tấn tu hành thắng nghiệp. Mỗi ngày trì tụng kinh Pháp Hoa hai biến, đọc kinh Hoa Nghiêm một pho, lấy đó làm việc thường. Tu nhân như thế chứa nhóm nhiều năm. Về sau, Sư cùng đệ tử là Sa-môn Đàm huấn đi khắp các Đài, nhân đến Nam Đài, thấy một vị Tỳ-kheo-ni đọc tụng kinh điển, trong miệng phát ra ánh sáng, Sư đã phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tinh thành cảm thông, từ miệng tỏa phóng ánh sáng, trong ánh sáng ấy tùy theo âm vận mà hóa Phật xuất hiện. Đến lúc qua đời, Sư nói lại đầy đủ việc ấy, chỉ riêng tự mình biết rõ, người khác chẳng thể thấy được, lời nói ấy thật có chứng nghiệm.

12. Thích Thanh Tuệ núi núi Tam Tổng ở Tê Châu:

Thích Thanh Tuệ, Sư là đệ tử của Sa-môn Thích Thanh Linh chùa Tuệ Nghĩa ở Tê Châu. Sư theo thầy đến núi Tam Tổng ở phía Bắc chùa Linh Nham, ở đó trong nhiều năm.

Sau khi ngài Thanh Linh thị tịch, Sư cũng phát nguyện vì các chúng sinh mà chịu đựng mọi thứ khổ trong ba đường ác mà trì tụng kinh Pháp Hoa, với ngôn từ Sư nói rằng: “Tất cả chúng sinh xoay vần làm cha mẹ lẫn nhau, từ tối vào tối, cùng nhau chẳng nhận biết ân sâu, nguyện nhờ năng lực tụng kinh mà sớm được lìa khổ, chứng giải thoát hoàn toàn”. Từ ngày rằm háng 07 niên hiệu Trường An năm thứ nhất (701) đến tháng giêng niên hiệu Thần Long năm thứ nhất (705) thời Tiên Đường, suốt năm năm, Sư tinh chuyên trì tụng, không hề đổi thay ý chí, chưa được cảm ứng, Sư buồn khóc than rằng: “Đại sư Thanh Linh thâm tâm phát nguyện vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường ác mà thọ trì kinh Kim Cương, Bát-nhã, trong vòng hai mươi một ngày chóng được cảm ứng. Nay tôi suốt năm năm tinh thành mà không chứng nghiệm, tiếc rằng chẳng gặp một như người ấy để bàn việc nhân duyên lớn, mất chứng nghiệm của Nhất thừa”. Mặt mắt Sư đỏ máu, buồn khóc sấm tạ. Vào ngày 15 tháng giêng niên hiệu Thần Long năm thứ nhất (705), bỗng nhiên dường như cảm mộng, thấy một ngôi thành lớn, rộng mỗi bề khoảng năm sáu dặm trang nghiêm kỳ lạ, cờ phướn quý báu, treo bày khắp cùng, trong đó có người ngồi giường vàng đội mũ ngọc, tay phải cầm phất trần màu trắng mà ngồi, nghĩa là vua. Lại có hai tòa bằng bạc để trống. Lúc Sư sắp vào thành thì đồng đi với đồng tử, người cõi trời. Vua thấy Sư và Đồng tử nên từ tòa bước xuống tỏ vẻ rất cung kính, thỉnh Sư ngồi xuống tòa vàng, Sư bèn lên tòa báu, Đồng tử ngồi trên tòa bạc. Vua ở dưới đất theo phương thức người Hồ mà quỳ và thưa rằng: “Đại sư vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường mà trì tụng kinh Pháp Hoa rất hợp với ý Phật. Chỉ là trước khi xưa Tiên sư (Thanh Linh) vì chúng sinh chịu khổ trong ba đường trì tụng kinh Kim Cương, nên được phong thả nhiều người tội nhẹ, nay không còn một người nào, cho nên trải qua năm năm các chúng sinh nhận chịu quả khổ đã theo nhóm tập bất luận là tội nặng nhẹ, đều vì Đại sư mà phóng thả”. Và nói với Đồng tử cùng đến xem các chỗ chịu khổ. Đồng tử liền đứng dậy nắm tay Sư dẫn đến xem thành quách, không hề thấy một người nào. Sư tự hỏi: “Vì sao không có người?”.

Đồng tử đáp: “Bởi nương theo nguyện lực trì tụng kinh của Đại sư nên tất cả chúng sinh đều được sinh lên cõi trời. Trong đây có một

người, Đại sư thấy chẳng, người ấy phỉ báng tâm nguyện Đại sư chính là Ưu-bà-tắc Diêu Thông”.

Sư bảo: “Người có phỉ báng còn được không lui sụt, đầu thế giữ lại không cho sinh lên cõi trời ư?”.

Theo tiếng Sư nói liền không còn trông thấy. Sư về lại chỗ vua trình bày việc ấy. Sau khi giác ngộ, Sư tự nói nhân duyên ấy. Công đức tụng kinh thì mình và người đề được cứu giúp như thế.

13. Vương Cốc ở quận Kiến Đức:

Wương Cốc, người ở quận Kiến Đức, làm chức Hoàng Long Quốc Thủ, mà mọi khí vật trong kho lại đều bị hao hụt mất hết, đáng chịu tội chết, oán nghĩ hao sút chẳng phải do mình cất giấu mà tội không thể trốn lánh, bèn dốc lòng trì tụng kinh Quán Thế Âm một ngàn biến, các thứ gông cùm trên thân đều bị đứt hết, mọi người cho là ít có.

14. Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp trụ chùa Đại, ở Trường An:

Tỳ-kheo-ni Diệu Pháp, họ Ly, người ở xứ Trường An, thuộc Kinh Triệu. Thân mẫu Sư họ Mẫn. Ban đầu mộng thấy một vị tăng Ấn-độ cầm ba cành hoa sen trao cho và nói rằng: “Cho người hạt giống tốt, nên khéo léo giữ gìn”. Do đó mà có thai, đến lúc sinh ra đặt tên là liên Hoa. Khi tuổi dần lớn, cô không vui thích ở nhà, tình ý muốn được xuất tục. Năm mười hai tuổi, được người chị dạy cho học kinh Pháp Hoa, mở bày kinh nhìn thấy văn tự dường như đã có tập học từ xưa, mỗi ngày tụng tám trang giấy, chưa đầy một tháng thì tụng thuộc lòng trọn bộ. Mọi người khen ngợi đức hạnh ấy, bèn gọi tên là Diệu Pháp. Diệu Pháp đối trước Phật, đốt hương lập thế nguyện trì tụng tám ngàn biến, và tụng thuộc lòng cả kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Phổ Hiền Quán, mộng thấy ba cành hoa há chẳng phải việc ấy ư? Đang trong đêm tĩnh lặng trì tụng, tiếng tụng của Diệu pháp vang xa hơn trăm dặm, mọi người ở khắp xa gần đều nghe mà tiếng không lớn không nhỏ. Khi đã nhập Đạo, chí tiết càng vững chắc. Đến lúc qua đời, Diệu Pháp bảo đồ chúng rằng: “Đức Phổ Hiền hiện ở trước ta, an ủy tâm ta, các vị thầy bạn đến đón rước, ta sẽ được vãng sinh Tịnh độ”. Nói xong, bèn thị tịch, nơi tòa mọc ra ba cành sen trắng như lúc mọc trong hồ, qua bảy ngày mà hoa chẳng héo rụng, mọi người nhìn thấy đều cho là điềm ít có.

15. Ngu Lâm Thông ở Lạc Châu, thời Tiền Đường:

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba (629) thời Tiền Đường, Ngô

Lâm Thông phát tâm muốn trì tụng kinh Pháp Hoa, vì duyên tục bao vây lao nhọc, phần nhiều đều chẳng xứng bốn ý, do bị bệnh nên qua đời, bỗng có sáu vị minh quan vây quanh trước sau dẫn đến chỗ một cửa thành lớn. Bên cạnh thấy có một vị tăng tự bảo rằng: “Ta là Dược Vương, người phát nguyện tụng kinh mà chẳng xứng ý đến nỗi phải chết, hãy nên tụng một bài kệ”. Và dạy cho đoạn văn rằng: “Thường tự suy niệm, làm sao khiến cho tất cả chúng sinh được vào Đạo Vô thượng, chóng thành tựu thân Phật”. Bồ-tát trao kệ rồi, lại bảo rằng: “Nếu tụng kệ ấy, thì sẽ có khả năng biến địa ngục thành ao hoa sen, hay chuyển đổi các thứ khổ khí làm thành cảnh giới thân Phật. Phải nên cố gắng chớ lãng quên đó!”. Lâm Thông bèn tụng đọc thuộc rành, liền đi vào trong thành thấy vua. Vua hỏi: “Người này có công đức gì chẳng?”.

Đáp: “Không tu điều lành nào khác, chỉ tụng một bài kệ”.

Vua hỏi: “Kệ ấy như thế nào?”. Lâm Thông liền cất tiếng tụng, đến chỗ “những người chịu tội đều được giải thoát, mười tám địa ngục, biến thành ao sen”.

Vua bảo: “Thôi! Thôi! Không cần phải tụng nữa. Hãy sớm trở về nhân gian”.

Trải qua hai ngày sau thì Lâm Thông sống lại, kể rõ nhân duyên ấy. Tăng Trưởng tôi đích thân được thấy nghe việc đó.

16. Tả Giám Môn Hiệu Úy ở Bằng dục Lý Sơn Long:

Lý Sơn Long trì tụng kinh Pháp Hoa hai quyển, để làm nghiệp lành. Trong niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường bị chết đột ngột, trên trái tim không lạnh khoảng như bàn tay, người nhà không nỡ tẩn liệm sớm, qua bảy ngày sau sống lại, Lý Sơn Long tự nói rằng:

“Lúc chết bị qua địa phủ bắt, dẫn đến sảnh của một quan tào, mọi việc ở đó rất hoành tráng, sân ở đó cũng rộng lớn. Trong sân, người tội có đến hàng ngàn, hoặc bị gông cùm, hoặc bị xiềng xích đều xoay mặt về hướng Bắc mà đứng đây trong sân. Quan lại dẫn tôi đến dưới sảnh, thấy Thiên tào ngồi trên tòa cao, có người đứng đầu như vua. Tôi hỏi quan lại: “Ấy là quan gì?”.

Đáp: “Đó là vua”.

Tôi đến dưới thêm cấp, vua hỏi: “Lúc còn sống người tu tạo phước nghiệp gì?”.

Tôi đáp: “Người xứ tôi mỗi lúc lập trai hội giảng pháp, tôi thường cúng thí vật đồng chung trong đó”.

Vua hỏi: “Còn chính tự thân ông tu tạo nghiệp Thiện gì?”.

Tôi đáp: “Tụng kinh Pháp Hoa hai quyển”.

Vua bảo: “lành thay! Hãy bước lên trên thêm”.

Khi tôi đã bước lên sảnh, ở phía Đông Bắc có một tòa cao như tòa giảng”. Vua chỉ vào tòa và nói với tôi rằng: “Hãy lên trên tòa ấy tụng kinh”.

Tôi lên tòa xong, vua mới ngồi xoay hướng về đó. Tôi bắt đầu tụng: “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm tựa thứ nhất”. Vua bảo: “Thôi, thỉnh Pháp sư xuống”. Tôi liền ngưng và xuống tòa, lại đứng dưới thềm cấp, nhìn sâu thì thấy các người tù đều hết, không còn một người nào ở đó nữa. Vua nói với tôi rằng: “Phước đức của ông tụng kinh, chẳng những tự lợi, mà còn khiến cho tất cả người tù trong sân đều nhờ nghe kinh mà được thoát, há chẳng tốt lành sao? Nay thả ông trở về lại”.

Tôi bái tạ từ giả và đi được vài mươi bước, vua gọi trở lại và nói với quan cai ngục rằng: “Nên dẫn người này đi xem các cửa ngục”.

Quan cai ngục liền dẫn tôi theo hướng Đông đi hơn trăm bước, thấy một ngôi thành sắt rất rộng lớn phía trên có phủ kín thành ấy, bên cạnh có nhiều cửa sổ nhỏ, hoặc lớn như bồn nhỏ, hoặc như chén bát, thấy có người nam nữ từ đất bay vào trong cửa sổ, mà chẳng thấy trở ra. Tôi lấy làm lạ hỏi, cai ngục trả lời rằng: “Trong địa ngục lớn này có nhiều phân cách, phạt mỗi mỗi đều khác nhau, các người ở đây đều tù theo bốn nghiệp mà vào địa ngục chịu tội”. Nghe thế, tôi buồn sợ và liền xưng niệm: “Nam-mô Phật!” Quan cai ngục mời tôi ra đến ngoài cứu viện, thấy một chiếc vạc lớn lửa dữ tuôn trào, bên cạnh có hai người đang ngồi ngủ, tôi hỏi hai người ấy đáp rằng: “Tôi bị tội báo vào trong vạc ấy, may nhờ Hiền giả xưng Nam-mô Phật mà tất cả các người tội trong ngục đều được một ngày ngưng nghỉ, vì quá khổ nhọc nên nằm ngủ”. Tôi lại xưng niệm “Nam-mô Phật”. Quan cai ngục nói với tôi rằng: “Các quan phủ phần nhiều có một số sửa đổi, nay vua thả ông đi, nên thưa với vua xin sao. Nếu không như thế, sợ các quan khác không biết, lại truy lục ông đó”. Tôi liền trở lại chỗ vua xin sao, vua liền bảo lấy giấy bút viết một hàng chữ giao cho quan lại và bảo rằng: “Vì lấy năm Đạo các thợ, quan cai ngục vâng mạng, dẫn tôi trở lại qua hai quan tòa, mỗi mỗi đều có sảnh sự và cùng có người hầu vệ như trước, đến sai quan cai ngục đều lấy tên của quan thợ ấy, viết một hàng và giao cho tôi. Tôi cầm đi ra đến cửa, có ba người bảo rằng: “Vua thả ông có thể chẳng xin tặng chúng tôi v.v...”. Tôi chưa mở miệng nói thì quan lại nói với tôi rằng: “Vua thả ông chẳng do ba người ấy là kẻ sứ trước kia ghi lục về ông, một người là bổng chủ sẽ dùng gậy đánh vào đầu ông, một

người là thằng chủ sẽ dùng dây mầu đỏ trói ông và một người là Đại chủ sẽ dùng dây hút khí ông, thấy ông được về lại nên xin mọi vật”. Tôi lo sợ cảm tạ ba người ấy rằng: “Thật kẻ ngu tôi không biết các ông, xin đến nhà sẽ đầy đủ mọi vật, nhưng không biết nên đến xứ nào để đưa tặng đó”. Ba người ấy bảo rằng: “Hoặc đến bên cạnh dòng sông, hoặc dưới cây đại thọ mà đốt”. Tôi hứa vâng, và kẻ quan lại đưa tôi về đến nhà, trông thấy mọi người thân quyến đang khóc lóc lo lắng sửa mọi thứ để tiễn liệm. Tôi vào nhà, đến bên cạnh thi thể mình thì liền sống lại”. Ngày hôm sau, Sơn Long cắt giấy làm tiền bạch và sắm các thứ rượu, vật thực tự đưa đến bên bờ sông đốt tặng, bỗng thấy ba người đến cảm tạ rằng: “Nhờ ông chẳng mất niềm tin nên lại ban tặng cho mọi vật”. Hồ thẹn nói lời chúc tụng xong thì không thấy nữa. Sơn Long càng thêm tin tưởng, trì tụng trọn một bộ, lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Và tự đến nói với Sa-môn Tăng Biện, chủ chùa Đại Tổng Trì và mọi người, v.v... về việc ấy. (Xuất xứ từ Cẩm Thông Lục quyển hạ Pháp Uyển quyển 21, và bên cạnh có một ứng nghiệm xuất xứ từ Minh Báo ký).

17. Sa-môn Đạt-ma-bạt-đà người nước Quy-tư:

Sa-môn Đạt-ma-bạt-đà, Hán dịch là Pháp Hiền, Sư là người nước Quy-tư, bẩm tánh thông minh, rành suốt Tam tạng. Có biết sơ qua một số ngôn từ của nước ngoài, tự sinh tâm cống cao, lẩn lớt hủy nhục chúng tăng theo pháp Đại thừa. Bấy giờ, có Sa-môn Tuần Lễ tên là Tu-lợi-da tụng thông sáu ngàn bài kệ kinh Pháp Hoa, không thoát pháp, nên đối với Sư luận bàn về sự trì tụng thấu đạt chỗ sâu mầu, Sư liền cho rằng Ba tạng là sự cạn cợt, bèn quy tâm hướng về Đại thừa, theo ngài Tu-lợi-da trì tụng thấu đạt kinh Pháp Hoa, cứ một ngày năm biến lấy làm hạnh nghiệp thường. Vì thần Dạ-Xoa kính pháp gìn giữ người này, lại mỗi đêm nơi thảo phường phát ra ánh sáng khác lạ. Có người cho là mất lửa, nên đến đó hỏi Sư, Sư đáp: “Bốn vị Đại thiên vương lần lượt đến gìn giữ nên phát ra ánh sáng”. Đến lúc sắp tịch, Sư bảo đồ chúng rằng: “Xưa kia tôi chấp giáo pháp Tiểu thừa là cùng cực như chấp lấy ngói đá làm vàng, vật báu, nay vui sống trong kinh Pháp Hoa được vàng thật. Do suốt ba năm chuyên trì tụng nên được thấy Bồ-tát Phổ Hiền, vào được chánh vị, được dự ghi không lui sụt. Các ông phải chuyên trì tụng kinh ấy, mong đạt được chánh vị không vượt quá ba đời”. Và liền ghi chú Di thư mà thị tịch, như nhập vào Thiên định, bèn xây tháp báu trên di thân của Sư, giữa lúc mùa hạ mưa rất lớn mà nước mưa không thấm ướt vào tháp, các loài chim bay liệng đều không đến gần bên cạnh

tháp. Mọi người thấy nghe đến lễ bái cúng dường, đông đúc như chợ. (Xuất xứ từ Ngoại Quốc ký).

18. Thích Tăng Trí ở Kim Thành:

Thích Tăng Trí, giới hạnh Sư rất thanh khiết, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp thường. Sư vốn không có răng, phát nguyện phụng tụng, mộng thấy một vị tăng Ấn-độ cầm cành dương chỉ vào nơi nướu răng. Khi thức giấc trong miệng răng mọc đầy đủ. Sư lại lên trên tháp cổ tụng kinh, thân thể mệt nhọc bèn nằm ngủ, nên từ trên tháp rơi xuống, chưa đến đất, lưng chừng giữa khoảng không có người hứng lấy, không tổn hại mảy may. Sư hỏi người đó là ai? Người đó đáp: “Tôi là Tỳ-Sa-môn, nếu người nào thọ trì kinh Pháp Hoa, tôi đều gìn giữ cho”. Sau đó, Sư sang Tây Vực, không biết cuối cùng Sư mất ở đâu.

19. Thích Tuệ Đạt thời Đông Tấn:

Thích Tuệ Đạt, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa làm hạnh nghiệp chánh. Niên hiệu Long An năm thứ ba (398) đời Đông Tấn, Sư đi theo hướng Bắc, đến Lũng thượng đào cam thảo, bấy giờ rợ Khương rất đói khát, bắt người ăn thịt, ngài bị rợ Khương bắt được giam vào trong ngôi nhà lớn. Trong đó có lắm người bị giam, rợ Khương lần lượt chọn các người béo tốt mà ăn trước. Sư nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm và trì tụng phẩm Phổ Môn. Rợ Khương ăn thịt mọi người đã hết, chỉ còn lại mình Sư và một đứa bé, định lần lượt ăn. Vào lúc sáng sớm, Sư lễ tụng vừa xong, rợ Khương muốn lại bắt để ăn, bỗng nhiên thấy một con hổ từ trong cỏ tuôn ra gầm gừ rượt đuổi, khi đó rợ Khương đua nhau bỏ chạy, may mắn được bình an, Sư dẫn đứa bé ấy về lại chỗ cũ. Nhờ năng lực trì tụng kinh mà cảm được Bồ-tát Quán Thế Âm ứng thời cứu vớt.

20. Người phụ nữ góa họ Dương ở thành Trường An:

Người phụ nữ góa họ Dương, từ thuở thiếu thời mất cả cha mẹ, đến tuổi trung niên lại chịu tang chồng, chỉ một mình sống góa bụa, đã nhàm chán vô thường, lại chán ghét thân nữ, nên theo thầy hỏi Đạo, được thầy trao truyền cho phẩm “Đề-bà” trong kinh Pháp Hoa, bèn siêng năng trì tụng, trong một năm liền tụng thắm được, suốt ngày đêm không mỗi mệt, mộng thấy tự thân mình ngồi trong hoa sen đọc tụng kinh. Đến lúc thức dậy thưa với thầy. Thầy bảo: “Trong kinh nói rằng: “Từ hoa sen hóa sinh là việc ấy”. Người nữ ấy lại càng chuyên cần chí

khí, lại mộng thấy tự thân chóng trở thành tướng phu (tướng nam) có trăm ngàn quyến thuộc vây quanh, bèn đem việc ấy thưa với thầy. Thầy bảo: “Đây đủ tướng tướng phu là mộng biểu thị cho tướng ở tướng lai. Điều nguyện của người chắc chắn không chướng ngại”. Người nữ ấy tín tâm trình thuận thanh khiết phát nguyện: “Cầu nguyện cho cha mẹ và cùng các bạn thân nương theo công phu trì tụng kinh mà đều được thoát khổ”. Lại mộng thấy cha mẹ, người chồng và các bạn thân đã qua đời đến mách bảo rằng: “Chúng tôi nhờ nương ân đức của người mà được ngồi tòa hoa sen”. Người nữ ấy lại đem điều mộng thưa với thầy. Thầy bảo: “Những người ấy nương theo năng lực trì tụng kinh của người mà được cảnh Tịnh độ đón rước”. Người nữ ấy vui vẻ nói: “Con cũng không ưa thích dục lạc, nguyện hồi hướng những việc lành của thân này về cảnh giới Cực Lạc, sinh trước chư Phật mười phương”. Văn không chọn lựa Tây phương, phát nguyện đêm ngày trì tụng kinh. Đến lúc qua đời thưa với thầy rằng: “Các bạn thân của con và Bồ-tát Quán Thế Âm đã đến đón rước”. Đợi thầy nói xong, liền thị tịch. Có tiếng âm nhạc nhỏ nhiệm nghe vang xa ngoài huyện, xông hương ít có. Mọi người nương theo người phụ nữ góa ấy mà trì tụng một phẩm “Đề-bà” có rất nhiều. Cho nên ở Trường An với bản xưa không có phẩm ấy, chẳng xét viết chép, công phu cùng như Đại bộ phẩm cho nên như vậy.

21. Sa-môn Thích Pháp Đạo:

Thích Pháp Đạo, trì tụng kinh Quán Thế Âm lấy làm hạnh nghiệp thường. Lại nhàm chán sự ồn náo huyên tạp, nên Sư vào núi du hành tụng kinh, bỗng gặp bọn giặc. Và nghĩ rằng, bọn giặc gặp phải Thích Tử là điều không lành. Bọn giặc kéo cung tên bắn Sư, muốn buông mà mũi tên cứ dính chặt vào cung, chẳng thể buông lung. Bọn giặc bèn quy mạng, ném bỏ cung tên dưới đất, cũng chẳng thể được, như là Thần nhân, v.v... Bèn vất bỏ mà chạy trốn. Thần nhân được thoát nạn.

22. Hai vị tăng ở Bắc Đạo, thuộc Tương Châu, đời Tùy:

Tại Bắc Đạo, ở Tương Châu, có hai vị tăng, mất tên gọi, Đạo bạn bè, có lợi cắt vàng làm thất mà ở, một người chuyên trì tụng luận Thập Địa, một người chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa. Giữa đêm thanh vắng, hai người ngưng tụng, bảo nhau rằng: “Trong hai người chúng ta, nếu ai chết trước thì nên báo mọi sự có không trong nhân quả để cùng nhau được biết”. Sau đó vài năm, vị tăng chuyên trì tụng luận Thập Địa bị bệnh mà tịch trước, trải qua thời gian lâu mà không trở về mách báo.

Vì tình bè bạn nên vị Tăng chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa ngày đêm buồn khóc, hận sao chậm đến báo, bèn mộng cảm vị ấy đến báo rằng: “Tôi vì tâm công cao phân biệt hơn kém, tuy tụng luận Thập Địa mà không nghĩ đến mọi sự khổ vui của đời sau. Vì tâm thô lậu ấy nên bị Diêm-la Pháp Vương cho ở trong nhà tối, như gánh chịu tội ấy, dứt trừ tội cống cao hơn người khác mới sinh về Tịnh độ. Ông nghĩ nhớ đến tôi mà trì tụng kinh phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu vào nhà tối làm cho tôi được mát mẻ và dứt khổ, không bao lâu nữa sẽ được lìa khổ. Còn Đạo bạn hữu xa đợm đến đời sau, tôi vui mừng mong được ông làm thiện tri thức, sao ông hận tôi ư? ba năm sau, Ông sẽ sinh về Tịnh độ. Xin vì tôi mà trì tụng trăm bộ kinh để chóng được sinh về Tịnh độ, sẽ lại đón rước thần thức ông”. Sau khi tỉnh giấc, vị Tăng chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa liền tắm gội sạch sẽ, đắp pháp y mới sạch, chuyên trì tụng một trăm bộ kinh. Lại mộng thấy vị Tăng trì tụng luận Thập Địa đến báo rằng: “Nhờ nương theo ân đức của ông mà tôi đã được vãng sinh về Tịnh độ, ba năm sau, tôi sẽ đón rước ông, mong chớ phế bỏ hạnh nghiệp trì tụng kinh”. Sau khi thức giấc vị tăng trì tụng kinh Pháp Hoa nói lại việc ấy với chư tăng.

23. Hai vị Tăng chùa Thắng nghiệp ở Tây kinh, thời tiền Đường:

Thích Tuệ Ước và Thích Thọ Quả, hai Sư đều xuất gia từ thuở thiếu thời, cùng trụ chùa Thắng Nghiệp ở Tây kinh. Suốt ba năm duỗi khoan chăm lo việc trị tuế trong kho. Bỗng nhiên vào một đêm tháng năm bị minh quan dẫn đến điện kiến vua Diêm-la. Vua hỏi: “Lúc còn sống các ông làm những hạnh nghiệp gì?”. Ngài Tuệ Ước đáp rằng: “Tụng kinh Pháp Hoa được ba - bốn quyển”. Vua chấp tay cung kính nói rằng: “Nên thả trở về!”. Và sai người dẫn đi xem các nơi chịu khổ. Vừa theo hướng Tây nam đi đến một cửa thành lớn. Ở mặt phía Bắc thấy có một dãy phòng dài, dùng bảng làm tường, hai phía Đông-Tây đang làm lỗ như lỗ gông cùm chẳng khác, trong lỗ đều có đầu chư tăng thường xuất hiện. Có Sa-môn Đại Lượng, người ở cùng chùa tuy thân còn sống mà đầu đã xuất hiện trong lỗ. Vừa thấy hai ngài (Tuệ Ước, Thọ Quả) liền kêu gào kinh hải chẳng thể diễn tả hết. Sa-môn Đại Lượng đang lo việc xem xét, sửa sang ba tôn tượng lớn trong điện, dùng riềng vật sửa tượng nên bị truy nhiếp. Bên cạnh mỗi lỗ đều có ngục tốt, hình tướng rất đáng khiếp sợ, cầm dao nhọn đâm thọc, máu me chảy vãi, ngục tốt đặt đầu bảo sống, thì đầu trở lại chứng ngộ trong lỗ. Cứ như thế với thời gian không bao lâu mà trải qua ba mươi lần. Tiếp đi

đến theo hướng Tây lại thấy chỗ chịu tội giết hại ăn thịt, có vô số chúng tăng bị cắt xẻo chém chặt, vang tiếng kêu gào khó chịu nổi, các chúng sinh bị giết hại trước kia đều đến đòi mạng, chia nhau uống máu ăn thịt. Lại thấy Sa-môn Trí Cầm là vị chủ chùa và Đô Duy Na A Lục bị trói buộc rất dữ dội, xét đang ăn thịt bởi tội dùng vật của chúng tăng. Hai ngài (Tuệ Ước, Thọ Quả) bỗng nhiên bị đẩy vào trong hầm tối, chỉ phút chốc sống lại, khắp thân mồ hôi nhễ nhại, tâm không tự chủ. Chưa đầy một tháng sau thì Sa-môn Đại Lượng bị chết thành linh cảm chịu khổ mới. Còn Sa-môn A Lục phát tâm sám hối, chẳng ra khỏi cửa phòng, đọc tụng hết thủy kinh tạng, suốt đêm ngày chuyên cần. Có vài lần thấy kẻ sứ mình ty hai người mặc y phục màu vàng cưỡi con ngựa trắng đến vào phòng A Lục, một người bảo rằng: “Nhờ phát Đại tâm, ngày đêm không xả bỏ, đọc tụng hết thủy kinh, nên sẽ được thả”. Phàm có đến ba, bốn lượt như thế, từ đó Sa-môn A Lục và những người thân thấy vậy đều siêng năng sám hối không thôi, bèn được không sao cả (xuất xứ từ Bạch Cảnh Lục).

24. Trúc Trường Thư thời Tây Tấn:

Trúc Trường Thư, tổ tiên vốn là người xứ Tây Vực, do nhiều đời chuyên việc buôn bán nên thành người giàu có, định cư ở Tây Trúc. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Khương (291-300) thời Tây Tấn, gia đình dời đến ở Lạc Dương, Trúc Trường Thư kính phụng Phật pháp, tâm ý chí thành, chuyên đọc tụng kinh Quán Thế Âm. Về sau, ở gần đó bị lửa cháy mà nhà của Trường Thư đã bằng cỏ tranh lại nằm ở dưới gió, nghĩ lửa đã bức bách đến gần, nên chuyển đồ vật ra ngoài nhưng không được bao nhiêu, bèn bảo tất cả người nhà không nên chuyển vận đồ vật và cũng không tưới nước để cứu, chỉ nên nhất tâm tụng kinh, trong nháy mắt, lửa đã cháy đến nhà bên cạnh chỉ cách hàng rào nhà Trúc Trường Thư, nhưng gió bỗng nhiên xoay trở lại và lửa cũng dứt hẳn ngay mé nhà ấy. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm linh dị. Trong làng có bốn, năm người niên thiếu khinh thường hiểm nguy cùng đêm pha cười nhạo rằng: “Gặp lúc gió tự đổi hướng, chuyện đó có gì thần bí. Nếu trời hanh khô, tôi châm lửa đốt mà nhà nó không cháy mới là chuyện lạ”. Sau đó, đang lúc đất đai đang nóng bức, gió nổi dậy vùn vụt, bọn niên thiếu ấy thâm cùng nhau cầm bó đuốc ném vào trên nhà Trúc Trường Thư, ba lần ném ba lần tắt mất, chúng kinh sợ đều tự chạy về nhà, sáng hôm sau cùng dẫn nhau đến nhà Trúc Trường Thư tự trình bày việc làm hôm qua và cúi đầu tạ tội. Trúc Trường Thư bảo rằng: “Ta không có thần

nào cả, chỉ do sự tụng niệm kinh Quán Thế Âm nên được oai linh cảm giúp như thế. Các ông chỉ nên rửa gột thân tâm kính tin”. Từ đó mọi người xa gần trong làng xóm đều kính sợ và lấy làm lạ (trích từ Pháp Uyển quyển 23).

